

LÙ HỘI CHÙA MUỐNG

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Chùa Muống (tên tự là Quang Khánh) là một di sản văn hoá tín ngưỡng của thôn Dưỡng Mông, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Đây là ngôi chùa được Nhà nước xếp hạng di tích văn hoá quốc gia đầu tiên của huyện Kim Thành. Chùa nhìn về hướng Tây Nam, trước cửa chùa là sông Văn Úc bắt nguồn từ Lục Đầu Giang. Phóng tầm mắt nhìn về phía đông bắc chùa, xa xa là dãy núi Yên Phụ uy nghi trầm mặc, nơi thờ tướng quân Trần Hưng Đạo. Theo truyền thuyết, chùa Muống tọa lạc trên lưng con rùa mẹ, xung quanh là đàn rùa con. Người dân đã truyền tụng câu ca:

Bên kia là đất Lang Can¹

Bên này chùa Muống tam quan rõ ràng

Đường vào chùa Muống ngày nay đã được trải nhựa rộng rãi, khách thập phương khắp nơi về chùa ngày một đông hơn. Cuộc sống đã thực sự đổi thay, cảnh chùa được các cấp lãnh đạo, nhân dân địa phương và trong vùng quan tâm tôn tạo, sửa chữa để chùa trở thành một ngôi chùa hoành tráng, uy nghi nhất vùng.

Hàng năm, từ ngày 24 đến 26 tháng Giêng, nhân dân trong vùng lại nô nức đi dự lễ hội chùa Muống. Tương truyền rằng, vào thời Lý Công Uẩn, dân đến khai khẩn vùng đất Dưỡng Mông. Buổi đầu khai phá, đất

phèn chua, chỉ có rau muống là nguồn thức ăn chính. Sau khi đất được cải tạo, trồng được hoa mầu và cây lương thực, cư dân đông đúc, lập thành làng. Để nhớ những ngày đầu gian khổ sống nhờ rau muống, những già làng đề nghị đặt tên là Dưỡng Mông, có nghĩa là nhờ cây rau muống mà tồn tại.

Chùa Muống là một trong những ngôi chùa được xây dựng sớm ở xứ Đông. Nhân dân địa phương không bao giờ quên được công lao to lớn của Thánh tổ Non Đông, một môn đệ của thiền phái Trúc Lâm chủ trì xây dựng. Thánh tổ Non Đông nguyên là Vương Thiên Huệ, hiệu Quán Viên, pháp hiệu Tuệ Nhẫn. Ngài sinh năm 1257, người làng Muống, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Xuất gia từ tuổi ấu thơ, Ngài là người tinh thông kinh sử, hiểu thấu chân lý của Phật, không những là một vị tài cao đức trọng mà còn là một lương y giỏi. Ngài đã chữa khỏi bệnh đau mắt cho vua Trần Minh Tông và được vua Trần Anh Tông cung cấp kinh phí xây dựng ngôi chùa tại địa phương - công trình tổng cộng có 154 gian- giao cho Thánh tổ trụ trì. Chùa trở thành danh lam thắng tích nổi tiếng. Thánh tổ còn có công xây dựng 72 ngôi chùa lớn nhỏ thuộc về tổ chùa Quang Khánh. Thánh tổ viên tịch ngày 27 tháng Giêng năm Ất Dậu, sau đó được dân làng tôn làm Thành Hoàng làng.

Hội chùa Muống bắt nguồn từ kỷ niệm ngày mất sư Tuệ Nhẫn, mang hai yếu tố Thần

¹ Tên gọi cũ của xã Thanh Lang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày nay.

và Phật. Hàng năm cứ đến gần cuối tháng Giêng nhân dân lại nô nức về đây dự hội.

1. Công tác chuẩn bị cho lễ hội

Ngay từ những ngày đầu xuân, người đến chùa lễ Phật đã tấp nập. Tất cả các chùa trong 72 ngôi chùa thuộc tổ chùa Quang Khánh cũng lần lượt được tổ chức lễ đầu xuân. Trong tâm thức của người dân xứ Đông thì dù có đi lễ ở chùa nào, cũng phải lễ tại chùa Muống trước (*Qua chùa Muống/Xuống chùa Bù*).

Nhân dân trong làng sau khi ăn Tết xong là bắt tay ngay vào việc chuẩn bị cho ngày lễ hội. Trước lễ hội, vào ngày 15 tháng Giêng, các cụ trong làng cùng với nhà chùa, lãnh đạo địa phương đã họp bàn về công tác chuẩn bị. Trong buổi họp đầu tiên này sẽ chọn ra 12 cụ trong làng đến ở tại chùa, trực ở điện tổ đêm ngày và cùng với các nhà sư ăn chay, niệm Phật. Điện tổ có 2 cung cấm. Cung thờ tổ thì chỉ có các cụ (trong 12 cụ đã được bầu chọn) được vào. Còn một cung sẽ niêm khiết cho đến ngày hội chính. Các cụ phải đèn nhang ở điện tổ, gọi là kẻ đăng. Đồ ăn chay của các cụ trong những ngày này chỉ có cơm trắng, tương và vừng.

Hiện nay, Chủ tịch xã th^Đ làm Trưởng ban lễ hội, còn Sư ông trụ trì thì làm Phó ban. Mỗi ban gồm 12 người, có trách nhiệm làm những công việc cụ thể đã được giao. Trong buổi họp chuẩn bị, các ban được lập ra để tiện cho việc tổ chức lễ hội.

Ngày 22 tháng giêng âm lịch, nhân dân địa phương cùng nhau chuẩn bị tổ chức trang trí cảnh chùa và vệ sinh trong làng. Cổng làng được trang trí cờ hoa rực rỡ. Đón đường từ cổng làng vào đến chùa dài khoảng

1km, cứ 4 - 5m lại được cắm cờ hội. Xung quanh chùa cờ hội, băng rôn, khẩu hiệu được chăng lên rực rỡ.

Phía sau nhà chùa, các phật tử trong làng cùng với một vài nhà sư chuẩn bị cỗ chay cho việc cúng lễ và để mời các quan khách, phật tử dùng cơm chay với nhà chùa. Các ban thờ được lau chùi sạch sẽ, các đồ dùng cho việc cúng lễ cũng được đem xuống lau rửa bằng nước sạch. Một số cụ bà thì ngồi têm trâu, sắp xếp hoa quả, bánh kẹo. Trên bãi đất rộng trước cửa chùa ngay sát chân đê, các thanh niên trai tráng cùng nhau chuẩn bị cơ sở phục vụ trong 3 ngày lễ như làm cầu thùm trên cạn, chuẩn bị sân bóng chuyền, cờ người, sỏi chọi gà... Vào những ngày này, hầu như tất cả các con em, những người làm ăn xa ở bất kỳ nơi đâu lại trở về chùa để dự lễ hội, hoặc có người chờ lễ hội xong mới đi làm ăn ở nơi xa.

Đến ngày 23, cả làng tập trung vào giã bánh dày. Gia đình nào không có điều kiện để giã bánh thì cũng phải có nồi bánh chưng hoặc nấu xôi để cúng chùa.

Đồ cúng lễ phải đủ 6 loại: hương, hoa, đèn, trà, quả, thực. Việc chuẩn bị lễ đài trước cửa Tam Bảo cũng rất được coi trọng. Lễ đài được dựng theo kiểu tam cấp. Cấp 1: có tượng Phật Thích Ca cùng hoa nghi bên cạnh. Cấp 2: có ngai vị và bài vị của Thánh tổ, hoa nghi hai bên. Cấp 3: có đỉnh đồng (đỉnh hương) hoa nghi, đèn nến. Cuối cùng là sập lễ. Hai bên lễ đài là bát biểu, long đình, tàn lọng. Phía trên lễ đài được được trang trí băng hiệu Thánh tổ. Các cột rạp cũng được trang trí bằng các câu đối, các danh hiệu Phật, cờ đuôi nheo. Xung quanh

rap là các băng rôn, khẩu hiệu nhà chùa. Phía tay phải lễ đài có khẩu hiệu “Đạo pháp dân tộc, chủ nghĩa xã hội”. Phía trái là “Hoàng dương chính pháp lợi lạc quần sinh”. Phía sau là “Đoàn kết, hoà hợp, trường dưỡng đạo tâm trang nghiêm giáo hội hoàng pháp lợi sinh”. Ở giữa rap được treo phướn to (*bảo cái*). Bên trong chính điện được bày hoa nghi, đèn nến cúng Phật và hai chiếc bàn dài để dân làng dâng lễ. Tất cả được trang hoàng rất lộng lẫy. Sau khi một vị sư thấp hương vái cửa Tam Bảo, cung cảm thứ hai được mở ra gọi là *mở cửa chùa*.

2. Những ngày trọng hội

Ngày 24 tháng Giêng là ngày khai mạc lễ hội. Phật tử ở khắp nơi từ sớm đã đổ về chùa rất đông để dự lễ hội, ai cũng muốn đến thật sớm để được thấp nhang cầu khẩn cho gia đình mình và dự khai mạc. Đúng 7 giờ lễ khai mạc bắt đầu. Ông Trưởng ban Văn hoá xã được cử làm người dẫn chương trình. Sau lễ Cầu gia bị là phần giới thiệu đại biểu tham dự và có ca nhạc xen kẽ, kỷ niệm ngày Thánh tổ hạc giá Tây quy. Đại diện chính quyền địa phương đọc diễn văn ca ngợi công đức của Thánh tổ, gọi lại không khí hào hùng của dân tộc, cảm ơn các tín đồ Phật tử, nhân dân thập phương xa gần về dự lễ hội. Tiếp theo, nhà chùa lên đọc lịch sử chùa Quang Khánh và công lao của Thánh tổ. Các ban ngành phát biểu chào mừng lễ hội. Đại diện sơn môn phát biểu, cảm ơn và chuẩn bị cho buổi lễ.

Sau tiếng trống hội, tiếng nhạc lễ rộn ràng là lễ dâng hương cúng Thánh tổ. Trước lễ đài lúc này, một vị Thượng toạ đứng giữa, hai bên là các chư tăng, quan khách. Thượng toạ cầm 3 nén hương và đọc to:

Giới hương

Định hương

Giữ tuệ hương

Giải thoát, giải thoát

Chi kiến hương

Quang minh vân đài

Biên pháp giới

Cúng giàng thập phương chư Phật tiên

Thượng toạ vừa dứt lời thì các chư tăng đứng sau đọc câu “*Nam mô hương cúng giàng Bồ Tát ma ha tát*” ba lần, sau mỗi lần đọc xong lại cúi đầu. Tiếp đó Thượng toạ cầm ba nén hương vào lư hương rồi làm lễ hồi hương. Tất cả các chư tăng Phật tử cùng đọc:

Nguyện dĩ thử công đức

Phổ cập u nhất thiết

Ngã đẳng giữ chúng sinh

Giai cộng thành Phật đạo.

Tiếp theo là *Tuần nghinh Sư duyệt định lịch Đại Tổ sư*. Trên lễ đài một vị sư hay còn gọi là chủ xám ngồi giữa, bốn vị sư ngồi 2 bên gõ pháp bảo của nhà chùa, các Phật tử và nhân dân ngồi sau. Khoá lễ có ý nghĩa là mời các vị sư đã quá cố về chứng giám lễ hội làng và cầu an cầu siêu. Khoảng 11 giờ trưa, khi các nghi lễ đã kết thúc, các chư tăng cùng quan khách và Phật tử dùng cơm chay với nhà chùa gọi là *trai tăng*.

Sau giờ nghỉ trưa, khoá lễ vạn vật được tổ chức vào đúng 2 giờ chiều. Ba vị sư tăng cùng các Phật tử làm lễ, tụng kinh cầu siêu, cầu an... Lúc này cửa Tam Bảo đã được mở (vì trong lúc khai mạc để đảm bảo cho sự trang nghiêm nên cửa Tam Bảo đã được đóng kín). Các gia đình trong làng rước bánh vào, đặt lên bệ và hai bàn dài đã được sắp

sẵn để cúng Phật, Thánh tổ. Theo các cụ trước đây, làng có 4 giáp thì mỗi giáp cử một cụ già trong giáp đó cùng thanh niên, nam nữ chưa có gia đình rước bánh vào chùa. Bánh rước phải là một chiếc bánh dày thật to làm từ 2 thúng gạo. Ngày nay, người ta không rước bánh dày to như vậy lên chùa nữa mà mỗi gia đình sẽ tự chuẩn bị lễ và đem bánh của nhà mình lên chùa. Bánh dâng lên chùa là tùy tâm của gia đình chứ không bắt buộc là to hay nhỏ. Cùng với bánh dày, đồ cúng lên chùa còn rất đa dạng như bánh chưng, xôi, oản, chè lam...

Ngoài lễ đài trước cửa Tam Bảo các sư tăng cùng với các phật tử vẫn tụng kinh niệm Phật. Đúng 19 giờ là *khoá lễ ngũ bách danh* (500 lễ) và cũng là khoá lễ kết thúc phần lễ trong ngày đầu khai mạc.

Sáng ngày 25, các chư tăng cùng phật tử tiếp tục thắp hương niệm Phật lên các *khoá lễ di đà, khoá lễ vạn vật*. Ngày 25 là ngày các gia đình trong làng rước bánh lên chùa nhiều nhất và cũng là ngày chủ yếu dành cho phần hội. Tất cả các hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian đều được thể hiện. Người ta tập trung nhiều ở sân bãi rộng trước cửa chùa dành riêng cho phần hội trong 3 ngày lễ. Các trò chơi đều thu hút được nhiều người tham gia.

Ngày 26 là ngày trọng hội. Đúng 5 giờ sáng các sư cùng với phật tử tụng kinh niệm Phật gọi là *khoá lễ di đà*. Trong khi đó, bên ngoài những người trong ban rước hồi hả chuẩn bị cho lễ rước. Hai chiếc kiệu được trang trí hoa nghi đèn nến đã được để sẵn trước cửa chùa, tất cả được sắp xếp vào vị trí chờ đến giờ xuất phát.

Đúng 9 giờ sáng, sau một hồi chiêng trống làm lệnh thì đoàn rước long vị Thánh tổ bắt đầu xuất phát từ cửa chùa. Đi đầu là đoàn bát âm, 30 người đi trước đánh trống (trong đó có 6 trống cái), 30 người thổi kèn, tất cả đều lễ phục trang nghiêm đi trước, âm hưởng của trống kèn lan rộng cả một vùng. Tiếp đó là 16 thanh niên nam nữ mang long đình, bát biểu. Trang phục nữ là áo vàng, đai vàng, đầu chít khăn đỏ; trang phục nam là áo đỏ, đai đỏ, khăn đỏ. Tiếp theo là 12 mâm bánh dày, mỗi mâm 10 chiếc được phủ vải đỏ, 24 mâm hoa quả, 9 mâm oản được trang trí rực rỡ sắc màu được rước bởi những người phụ nữ trong trang phục áo tể vàng, đai đỏ, quần trắng, khăn xếp và trên tay mỗi người cầm một bông hoa huệ. Theo sau là 2 ông Tể quần áo lộng lẫy, má phấn, môi son vừa đi vừa múa sinh tiền, có ý nghĩa là dọn đường trước cho các sư tăng đi sau. Ngay đằng sau 2 ông Tể là một vị Đại đức cầm kiềng đi trước, một vị Thượng toạ đi sau. Tay trái Thượng toạ cầm tràng hạt, tay phải cầm xích trượng, đầu đội mũ thất Phật, hai bên là 2 thanh niên cầm lọng, tàn quạt. Tiếp theo là 4 thanh niên rước Phật đình, 4 dải lụa buộc trên đỉnh Phật đình được 4 thiếu nữ đi xung quanh để nâng. Sau Phật đình là xe kiệu bánh dày. Chiếc bánh dày đường kính 1m được phủ vải đỏ, hoa nghi hai bên. Xe kiệu được trang trí rất đẹp mắt, trước xe là dòng chữ trên nền băng đỏ *Giới hương, định hương; Tuệ hương, giải thoát; Giải thoát tri kiến hương*. Xung quanh xe là những dải lụa ngũ sắc được các thiếu nữ nâng đi theo xe kiệu. Tiếp theo là xe kiệu long vị Thánh tổ. Trước xe kiệu long vị Thánh tổ có dòng chữ *Nam mô Tuệ Nhãn từ giác Quốc sư Bồ Tát*,

xung quanh cũng được trang trí bằng hàng chữ đỏ *Bồ Tát hoá thân độ chúng sinh*. Bài vị Thánh tổ được trang trí hoa đăng rực rỡ cùng 3 thanh niên cầm tàn lọng xung quanh. Sau nữa là các cụ già mặc áo dài nâu vừa đi vừa niệm Phật. Nhân dân địa phương, thập phương là những người đi cuối cùng của đoàn rước. Cứ như vậy đoàn rước đi xung quanh làng rồi về chùa làm lễ yên vị. Trên đường đi, bất kỳ ai gặp đoàn rước đều phải đứng lại, có người đi theo cùng đoàn rước, có cụ già không đi được thì đứng bên đường chấp tay vái Phật, Thánh tổ. Đoàn rước diễn ra trong không khí rộn rã của phường bát âm với bài *Phật giáo Việt Nam*.

Khoảng 10 giờ 30 đoàn rước về đến chùa. Lúc này các sư cùng các Phật tử, nhân dân địa phương làm lễ cúng Phật, cúng Thánh tổ. Khoá lễ diễn ra trong khoảng một giờ. Tất cả các công việc còn lại là chuẩn bị cho lễ *Mộc dục* (tắm Tổ) vào 18 giờ tối hôm đó (Thực chất đây là tắm tượng). Tượng Thánh tổ mỗi năm chỉ được lau rửa một lần vào ngày hội chùa. Lễ tắm Tổ được chuẩn bị rất chu đáo, trước tiên người ta phải chuẩn bị nước để tắm Tổ. Nước dùng phải là nước mưa tinh khiết được đun với lá thơm hay ngũ vị hương. Các thứ khăn tay sạch, nôi đồng, gáo đồng, chậu thau đồng chuyên dùng phải được chuẩn bị đầy đủ từ sớm. Trước khi tắm Tổ khoảng 30 phút, Thượng toạ, Sư tăng cùng một số thầy pháp trong làng đi 3 vòng xung quanh ngai vị của Thánh tổ gọi là *nhĩu tổ*. Bài vị của Thánh tổ sau khi rước về vẫn được để trước lễ đài ngoài Tam Bảo. Sau đó Thượng toạ bước lên lễ đài làm lễ tắm Tổ hay còn gọi là lễ thanh tẩy quanh bài vị ở cửa Tam Bảo. Thượng toạ cầm 3 nén

hương lên khấn Phật, Thánh tổ và đọc bài khấn. Thượng toạ với áo cà sa trang trọng, đầu đội mũ thất Phật biểu diễn điệu múa *sái tịnh* với bước múa lượn vòng tròn, bước nhanh, bước chậm, vừa múa vừa hát kinh. Quần chúng xung quanh như bị cuốn hút vào điệu múa, thỉnh thoảng lại chấp tay trước ngực, đồng thanh “*Nam mô A di đà Phật*”. Xung quanh Thượng toạ là 4 thầy pháp cầm xèng, trống con và mõ hoà cùng nhạc lễ để sám theo. Tiếp theo, Thượng toạ cầm một cành dương liễu nhúng vào một cốc nước (gọi là bình tịnh thủy) và vẩy nước ra xung quanh lễ đài rồi vẩy lên bài vị Thánh tổ, tượng trưng cho việc tắm Tổ. Trong khi đó, trong chính điện một vị sư cùng 3 cụ già trong làng đã được chọn trong 12 cụ đã túc trực ở điện tổ nhiều ngày trước đó, bắt đầu *tắm tượng* (lau tượng). Mỗi động tác được thực hiện rất tỷ mỉ, khéo léo. Khoảng 30 phút sau thì công việc được hoàn tất, bài vị của Thánh tổ được rước vào chính điện. Các loại sớ cũng được đốt cúng Phật, Thánh tổ. Mọi người hoan hỉ trong tiếng nhạc lễ, tiếng trống xèng rộn rã bay xa báo hiệu nhiều điều tốt đẹp sẽ đến với mọi nhà trong năm mới. Pháo hoa được đốt và 40 chiếc đèn được thả lên trời với mong ước các vị cao tăng quá cố chúng giám cho tắm lòng thành của con cháu và thông báo với tất cả xứ Đông rằng lễ hội chùa Muống đã diễn ra hết sức tốt đẹp.

3. Các hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian trong lễ hội

Phần hội là phần không thể thiếu được trong lễ hội truyền thống. Ngay ngày hội đầu tiên, trong khi phần lễ chưa kết thúc thì ở bên ngoài, phần hội đã diễn ra song song với phần lễ. Những tiết mục văn nghệ đặc sắc do

chính người dân địa phương và những làng lân cận đến biểu diễn góp vui cùng lễ hội. Chèo là một trong những tiết mục đặc sắc của ngày hội, nét tinh hoa của văn hoá xứ Đông được lưu truyền bao đời nay. Hải Dương là một trong những cái nôi của những điệu chèo cổ. Sau một năm làm việc vất vả, khi tết đến xuân về, người ta lại mong đến hội chùa Muống để được thưởng thức những làn điệu chèo truyền thống. Mở đầu cho tiết mục văn nghệ là điệu chèo “*Thu không*” lời cổ được cất lên do “đoàn chèo” của làng thể hiện. Tiếp theo là những vở chèo như “*Thị Mầu lên chùa*”, “*Tám Cám*”, “*Mừng Đàng mừng xuân*”, và hát văn “*Về chùa lễ Phật*”. Để đáp lại lòng mến khách, các gánh chèo làng bạn cũng đến góp vui bằng những làn điệu chèo làm mê đắm, xúc động lòng người trong các vở diễn “*Lưu Bình - Dương Lễ*”, “*Phạm Công - Cúc Hoa*”. Những làn điệu quan họ “*Vào chùa*”, “*Mời trâu*” cũng được cất lên hoà chung không khí mừng vui của ngày hội.

Ngoài các tiết mục văn nghệ, hàng loạt các trò chơi dân gian cũng được diễn ra trên khoảng đất dành cho phần hội. Trò chơi cầu thùm trên cạn thu hút rất đông người xem. Để trò chơi được diễn ra tốt đẹp, công tác chuẩn bị rất được chú trọng. Người ta dùng một cây tre dài khoảng 5m làm cầu, 3 đoạn tre dài 2m làm nèo (trụ), 3 đầu đoạn tre này được nối lại bằng dây thừng. Một đầu dây thừng nối với đầu cây tre làm cầu, còn một đầu cây tre làm cầu được bắc vào con lẩn. Dây thừng càng dài thì độ lắc càng mạnh, đòi hỏi người chơi phải khéo léo trong từng bước đi. Cầu thùm được bắc qua một hố sâu

khoảng 1m, rộng khoảng 40m² – hố đã được thanh niên trong làng đào trước hôm lễ hội chính thức- bên dưới đổ cát. Phần thưởng được treo ở đầu trụ cầu, ai đi được hết cầu sẽ chọn cho mình một phần thưởng. Phần thưởng có thể là một chiếc còi, một chú gấu bông...Người xem hò reo động viên mỗi khi có người đi hết được cây cầu và nhất là lại quay về điểm xuất phát đầu tiên mà không bị ngã xuống hố cát.

Trò chơi chọi gà cũng khá rôm rả. Người ta lấy bạt quây một vòng tròn khoảng 10m², cao khoảng 30cm, gọi là sỏi gà. Cũng có khi người ta không căng bạt mà để sỏi gà tự do và người xem di chuyển theo bước chân của hai chú gà chọi. Gà đem đến lễ hội chùa Muống đã được các chủ gà chăm sóc chu đáo trước đó và chỉ chờ đến ngày hội. Trước khi cho gà chọi nhau, người ta tắm gà bằng nước lạnh, cho gà ăn cơm trắng. Một trọng tài được cử ra cầm đồng hồ để tính thời gian. Sau khi có hiệu lệnh của trọng tài, hai chủ gà bắt gà vào sỏi chọi. Mỗi hồi chọi được quy định là 15phút. Sau 15 phút chủ gà bắt gà ra khỏi sỏi để nghỉ khoảng 5 phút. Trong lúc nghỉ ngơi, gà được lau chùi sạch sẽ, phun nhẹ nước lạnh vào đầu để gà tỉnh táo. Gà cứ đấu như vậy đến khi con gà nào nhảy ra khỏi sỏi chọi hoặc bị chết ngay tại chỗ là thua. Mỗi chủ gà thắng được nhà chùa thưởng lộc.

Trò chơi được nhiều cụ ông trong làng ưa thích là cờ tướng. Có những ván cờ kéo dài 2 ngày, tùy theo trình độ của người chơi. Những người thắng cuộc được Ban tổ chức trao phần thưởng.

Trò chơi có lẽ được lưu truyền lâu nhất trong lễ hội chùa Muống là bịt mắt đập niêu.

Trong một khoảng đất rộng chừng 30m², người ta treo 10 chiếc niêu đất trên một sợi dây thừng, cách mặt đất 1,5m. Từ điểm xuất phát đến chỗ treo niêu khoảng 8m. Mỗi lần chơi có 5 người bị bịt mắt bằng một chiếc khăn đỏ và mỗi người cầm một khúc tre dài 50cm. Khi có hiệu lệnh, tất cả xuất phát và nhanh chóng đến chỗ treo niêu để đập vỡ một cái niêu. Trong niêu là phần thưởng như kẹo, bánh hoặc có khi niêu chỉ chứa nước. Ai đập vào niêu nào, sẽ được phần thưởng như vậy. Đây là trò chơi được rất nhiều người yêu thích. Ngoài ra còn nhiều trò chơi khác như kéo co, đấu vật cũng thu hút đông đảo người xem.

4. Những đặc điểm riêng của lễ hội chùa Muống

Điều đáng nhớ ở lễ hội chùa Muống là có tục lệ làm bánh dày để dâng cúng. Gần đến ngày lễ hội, trong từng gia đình và khắp cả xóm làng lại vang lên rộn ràng tiếng chày giã bánh cùng với mùi thơm ngào ngạt của những nồi xôi, tạo cho không khí ngày hội thật tung bừng và ấm cúng. Việc làm bánh dày cũng bắt nguồn từ ý nghĩa câu chuyện hoàng tử Lang Liêu thời Hùng Vương.

Đối với nhà chùa, bánh dày được giã vào các buổi sáng trong 3 ngày lễ hội để bánh lúc nào cũng mới và ngon. Trong ngày lễ chính nhà chùa, chiếc bánh to với nguyên liệu khoảng 2 thúng gạo được nhiều người cùng làm. Làng Muống làm bánh dày tượng trưng cho mùa màng bội thu, con cháu dâng lên Thánh tổ thành quả của một năm lao động. Đây là một nét đẹp văn hoá ẩm thực của người dân làng Muống.

Bánh dày làng Muống rất dẻo và thơm. Bánh được làm cầu kỳ. Gạo nếp làm bánh phải là nếp cái hoa vàng của vụ mùa. Các hạt gạo phải đều và được lựa chọn kỹ càng. Trước khi giã bánh, gạo nếp được ngâm 6 tiếng, sau đó cho vào chõ để đồ xôi. Khi xôi đã chín, người ta dàn mỏng ra một mảng mo cau. Người được chọn giã bánh phải là những chàng trai, cô gái khoẻ mạnh. Để bánh thật dẻo, quá trình giã bánh không được gián đoạn. Khi bột đã nhuyễn, người ta dùng tay vắt bánh vào từng đĩa lá chuối được quấn lá dứa xung quanh.

5. Ý nghĩa văn hoá, tâm linh của lễ hội chùa Muống

Các cụ trong làng kể rằng, trước đây việc giã bánh dày trong ngày hội rất được coi trọng. Làng được chia ra làm 4 giáp: Đông, Tây, Nam, Bắc. Những giáp này đều phải làm một chiếc bánh dày to với lượng nguyên liệu khoảng 2 thúng gạo. Gia đình nào có con trai thì mới được tham gia giã bánh. Công việc giã bánh được tiến hành tại nhà của người trưởng giáp. Nước dùng để làm bánh phải là nước giếng ở chùa. Người ta cho rằng nếu lấy nước giếng chùa làm bánh thì bánh tinh khiết, mềm dẻo và thơm ngon hơn.

Trước khi giã bánh, các giáp đều phải bày một mâm hoa quả, thắp hương cầu mong Phật tổ phù hộ để cho bánh được ngon hơn. Những gia đình giã bánh bị hồng thì một người trong gia đình đó phải đến chùa thắp hương, cầu mong Phật tổ xá tội và phù hộ cho gia đình. Dân làng rất kiêng kỵ việc giã bánh bị hồng vì họ quan niệm

đó là điềm không may trong cả năm tới.²

Ngày nay, việc giã bánh đơn giản hơn trước, các gia đình có thể tập trung tại một nhà nào đó rồi cùng nhau giã bánh cho vui. Giã bánh dày mang tính tập thể rất cao. Mọi người đều tham gia vào các công đoạn làm bánh. Các cụ già hướng dẫn cho con cháu giã bánh, những người đàn ông khoẻ mạnh thay nhau giã, phụ nữ thì chuẩn bị các đĩa bằng lá chuối và lá dứa để bày bánh. Vui nhất là những cô bé, cậu bé chạy xung quanh để xem người lớn giã bánh và được ông bà kể cho nghe về tục làm bánh dày của làng mình.

Cũng theo các cụ, trước đây trong phần hội của làng, không thể thiếu được phần thi bánh dày của các giáp trong làng. Tất cả 4 chiếc bánh dày của 4 giáp sẽ được đem ra thi xem bánh nào ngon hơn. Bánh dày sau khi lễ Phật và Thánh tổ xong được rước về đình làng để thi. Những chiếc bánh dày đem đến hội thi đều phải làm hình vuông, các bánh nhỏ hơn để bày các ban ở chùa thì hình tròn. Tiêu chuẩn lựa chọn khi thi bánh là vuông vắn, trắng, không bị nổi hạt gạo, thơm và dẻo. Giáp nào được giải nhất sẽ rất vinh dự, tự hào và được làng chia cho những thửa ruộng ở nơi đất tốt nhất của làng. Làm bánh dày mất nhiều thời gian, cần nhiều người có sức khoẻ, khéo léo, việc chuẩn bị để giã rất công phu. Ngày nay, một số gia đình không có điều kiện chỉ gói bánh chưng hay nấu xôi thay cho giã bánh dày.

Trải qua bao thăng trầm của thời gian, lễ hội chùa Muống vẫn trường tồn, đi vào tâm thức của người dân làng Muống. Lễ hội chùa Muống là niềm tự hào, nơi hội tụ của dân làng để giáo dục cháu con luôn luôn làm việc thiện, cùng nhau đoàn kết xây dựng quê hương, giữ gìn bản sắc văn hoá của làng quê mình.

Kết thúc lễ hội chùa Muống trong niềm vui hân hoan, luyến tiếc, mọi người bước vào một năm mới với niềm mong ước mọi điều tốt đẹp sẽ đến với gia đình và cộng đồng của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Lý Khắc Cung (Chủ biên). 1991. *Hội hè Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc. H.
2. Thượng tọa Thích Thanh Giác. *Sơ lược lịch sử thánh tổ non Đông*. H.
3. Lê Văn Quýnh. 1981. *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*, NXB Khoa học Xã hội. H.
4. Trần Tích. 1995. *Thần sắc thôn Dưỡng Mông*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội. H.
5. Đại đức Thích Thanh Tuấn. *Sơ lược lịch sử chùa Quang Khánh*. H.
6. Viện sử học. 1991. *Đại nam nhất thống chí*, Tập III, NXB Khoa học Xã hội. H.

² Theo lời kể của cụ Nguyễn Văn Ninh (người dân làng Muống).